



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2022

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thông tin về Tập đoàn**

**Quyết định Thành lập số** 974/QĐ-TTg

ngày 25 tháng 6 năm 2010

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp số** 0100100008

ngày 29 tháng 1 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được sửa đổi nhiều lần và lần gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100008 ngày 6 tháng 10 năm 2021. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Tiến Trường  
Ông Trần Quang Nghị  
Ông Đặng Vũ Hùng  
Ông Vũ Hồng Tuấn  
Ông Nguyễn Xuân Đông

Chủ tịch  
Phó Chủ tịch  
Ủy viên  
Ủy viên  
Ủy viên

**Cơ quan Tổng Giám đốc**

Ông Cao Hữu Hiếu  
Ông Nguyễn Song Hải  
Ông Lê Trung Hải  
Ông Phạm Văn Tân  
Ông Lê Mạc Thuấn  
Ông Nguyễn Đức Trị  
Ông Phạm Xuân Trình

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Giám đốc điều hành

**Ban Kiểm soát**

Bà Trần Thị Thu Hằng  
Bà Đoàn Thị Thu Hương  
Bà Đặng Thị Hồng Lê  
Bà Nguyễn Lê Trà My

Trưởng ban  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

**Trụ sở đăng ký**

25 Phố Bà Triệu, Phường Hàng Bài  
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Báo cáo của Cơ quan Tổng Giám đốc**

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Cơ quan Tổng Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 61 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Cơ quan Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn Dệt May Việt Nam sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Cơ quan Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.



Cao Hữu Hiếu  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2022



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị  
Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 8 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 61.

### **Trách nhiệm của Cơ quan Tổng Giám đốc**

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Cơ quan Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.





## Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 22-02-00203-22-1



Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 3064-2019-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2022

Trương Tuyết Mai

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 2594-2019-007-1

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022**

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>3.066.530.933.879</b>	<b>2.691.252.799.408</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>8</b>	<b>65.278.261.089</b>	<b>95.919.885.830</b>
Tiền	111		65.278.261.089	66.919.885.830
Các khoản tương đương tiền	112		-	29.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>1.314.104.700.000</b>	<b>1.274.904.700.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	1.314.104.700.000	1.274.904.700.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.224.514.280.991</b>	<b>1.142.822.790.442</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	389.215.497.532	270.636.099.621
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	11	76.663.148.094	91.313.741.567
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	12(a)	187.197.325.121	208.209.679.062
Phải thu ngắn hạn khác	136	13(a)	572.136.372.144	573.361.332.092
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	14	(698.061.900)	(698.061.900)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>15</b>	<b>446.681.565.441</b>	<b>161.525.197.060</b>
Hàng tồn kho	141		450.446.844.323	165.290.475.942
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.765.278.882)	(3.765.278.882)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>15.952.126.358</b>	<b>16.080.226.076</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.309.310.640	3.192.069.355
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		11.314.127.838	11.687.090.475
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	21(a)	1.328.687.880	1.201.066.246

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 01a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2022 VND</b>	<b>1/1/2022 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>5.674.974.580.932</b>	<b>5.744.158.185.493</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.530.813.376.743</b>	<b>1.558.807.565.975</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215	12(b)	1.268.581.820.091	1.285.956.920.698
Phải thu dài hạn khác	216	13(b)	262.231.556.652	272.850.645.277
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>912.791.114.706</b>	<b>992.833.593.100</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	16	854.113.370.691	933.271.962.271
<i>Nguyên giá</i>	222		1.668.478.516.139	1.727.153.894.887
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(814.365.145.448)	(793.881.932.616)
Tài sản cố định vô hình	227	17	58.677.744.015	59.561.630.829
<i>Nguyên giá</i>	228		81.790.248.511	81.790.248.511
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(23.112.504.496)	(22.228.617.682)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>144.776.898.345</b>	<b>104.028.340.787</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	18	144.776.898.345	104.028.340.787
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>9(b)</b>	<b>3.040.725.625.955</b>	<b>3.042.277.385.037</b>
Đầu tư vào công ty con	251		2.142.081.329.010	2.142.081.329.010
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		1.047.077.855.779	1.054.718.469.630
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		47.430.112.751	55.758.224.260
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(195.863.671.585)	(210.280.637.863)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>45.867.565.183</b>	<b>46.211.300.594</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	19	45.867.565.183	46.211.300.594
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>8.741.505.514.811</b>	<b>8.435.410.984.901</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2022 VND</b>	<b>1/1/2022 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>2.911.346.251.328</b>	<b>2.334.542.504.357</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.226.998.620.890</b>	<b>615.499.120.454</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	161.299.030.660	209.174.365.943
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.921.668.131	8.429.527.645
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21(b)	5.370.717.793	4.296.923.754
Phải trả người lao động	314		12.505.200.634	36.900.182.395
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22(a)	4.504.487.229	2.347.570.703
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		35.500.000	248.500.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	23	228.399.218.076	21.975.004.915
Vay ngắn hạn	320	24(a)	764.387.316.211	303.136.724.054
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	25	44.575.482.156	28.990.321.045
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.684.347.630.438</b>	<b>1.719.043.383.903</b>
Chi phí phải trả dài hạn	333	22(b)	10.691.533.440	21.819.456.000
Phải trả dài hạn khác	337		1.481.281.750	250.067.530
Vay dài hạn	338	24(b)	1.672.174.815.248	1.696.973.860.373
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>5.830.159.263.483</b>	<b>6.100.868.480.544</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>26</b>	<b>5.806.923.933.051</b>	<b>6.076.612.336.602</b>
Vốn cổ phần	411	27	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		30.361.932.352	30.361.932.352
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		233.469.155.604	503.157.559.155
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		119.372.945.604	192.682.269.230
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		114.096.210.000	310.475.289.925
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	29	543.092.845.095	543.092.845.095
<b>Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>23.235.330.432</b>	<b>24.256.143.942</b>
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	30	23.235.330.432	24.256.143.942
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>8.741.505.514.811</b>	<b>8.435.410.984.901</b>

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

Người lập:

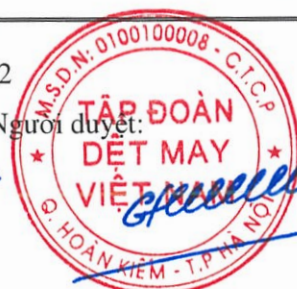


Nguyễn Thị Nga  
Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Cách  
Kế toán trưởng



Cao Hữu Hiếu  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022**

Mẫu B 02a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	32	644.554.526.370	542.017.627.934
Giá vốn hàng bán	11	33	621.875.525.932	456.578.575.826
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>22.679.000.438</b>	<b>85.439.052.108</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	34	170.554.395.925	76.914.591.071
Chi phí tài chính	22	35	25.624.392.364	(6.094.807.000)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		18.429.865.567	19.376.022.354
Chi phí bán hàng	25	36	23.289.025.840	21.921.549.918
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	37	31.918.288.268	40.929.576.501
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>112.401.689.891</b>	<b>105.597.323.760</b>
Thu nhập khác	31		2.240.093.275	4.849.090.909
Chi phí khác	32		545.573.166	2.928.342.624
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>1.694.520.109</b>	<b>1.920.748.285</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>114.096.210.000</b>	<b>107.518.072.045</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	39	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>114.096.210.000</b>	<b>107.518.072.045</b>

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Thị Nga  
 Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Cách  
 Kế toán trưởng



Cao Hữu Hiếu  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>114.096.210.000</b>	<b>107.518.072.045</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		56.073.949.949	55.386.135.475
Các khoản dự phòng	03		(14.416.966.278)	(24.824.168.581)
Lỗi/(lãi) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		21.057.371.984	(552.630.617)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(169.217.382.813)	(77.304.519.449)
Chi phí lãi vay	06		18.429.865.567	19.376.022.354
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>26.023.048.409</b>	<b>79.598.911.227</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(140.389.616.552)	(24.652.867.881)
Biến động hàng tồn kho	10		(285.156.368.381)	(88.255.441.722)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		6.663.433.186	92.829.476.186
Biến động chi phí trả trước	12		(394.719.474)	(536.474.611)
			<b>(393.254.222.812)</b>	<b>58.983.603.199</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(16.175.929.139)	(19.833.653.187)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(6.671.838.889)	(5.152.978.888)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(416.101.990.840)</b>	<b>33.996.971.124</b>



*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(64.648.744.911)	(71.774.573.250)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		32.646.296.296	4.849.090.909
Tiền chi cho vay, gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(741.680.000.000)	(617.346.700.000)
Tiền thu hồi cho vay, rút tiền gửi có kỳ hạn	24		768.255.685.608	436.581.871.225
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		25.130.096.000	47.846.700.000
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		226.416.644.726	210.729.922.774
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>246.119.977.719</b>	<b>10.886.311.658</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		690.176.439.370	302.475.429.773
Tiền trả nợ gốc vay	34		(301.643.627.897)	(347.154.697.945)
Tiền trả cổ tức	36		(249.955.662.000)	(2.953.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>138.577.149.473</b>	<b>(44.682.221.172)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(31.404.863.648)	201.061.610
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		95.919.885.830	73.800.360.481
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		763.238.907	11.215.772
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	8	65.278.261.089	74.012.637.863

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

Người lập:


Nguyễn Thị Nga  
Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Cách  
Kế toán trưởngCao Hữu Hiếu  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tập đoàn Dệt May Việt Nam (“Tập đoàn”) được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 974/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Căn cứ vào Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 6 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam, căn cứ vào Công văn số 4085/BTC-TC ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Công Thương về việc bán cổ phần lần đầu, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện việc bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng theo hình thức kết hợp vừa bán bớt một phần vốn Nhà nước, vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 22 tháng 9 năm 2014. Theo đó, vốn điều lệ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam sau cổ phần hóa là 5.000 tỷ VND, trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu ngày 29 tháng 1 năm 2015.

### **(b) Hoạt động chính**

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nhiệm vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư vốn và có toàn quyền quản lý vốn đầu tư trong các công ty con của Tập đoàn để đảm bảo duy trì và phát triển nguồn vốn này, cụ thể như sau:

#### **1. Sản xuất và kinh doanh trong các lĩnh vực sau:**

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, đay tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- Gia công, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy hải sản (sơ chế); đóng gói thực phẩm tươi, thực phẩm sơ chế, thực phẩm khô, bánh mứt các loại;
- Sản xuất kinh doanh nguyên liệu bông xơ; nguyên phụ liệu, bao bì cho sản xuất và chế biến bông; dịch vụ kỹ thuật và kinh doanh các loại giống cây trồng, phân bón và vật tư nông nghiệp khác; sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ cho ngành nông lâm nghiệp; chế biến nông sản; kiểm nghiệm giống bông, giống cây trồng, chất lượng bông xơ;
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải; vật liệu điện, điện tử; phần mềm và thiết bị tin học; cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác;



## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Kinh doanh bán lẻ các sản phẩm dệt may và các sản phẩm tiêu dùng khác, gồm: đầu tư xây dựng siêu thị; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); cho thuê kho, bãi đậu xe, dịch vụ giữ xe; mua bán hàng dệt may, vật tư công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác; bia, rượu, thuốc lá các loại; bán hàng lưu động đã đăng ký trong giấy phép đăng ký kinh doanh;
  - Dịch vụ thi công, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện lạnh, công nghiệp; tư vấn, thiết kế quy trình công nghệ, bố trí máy móc thiết bị cho ngành công nghiệp dân dụng; tư vấn thiết kế lập các dự án đầu tư trong lĩnh vực dệt may, môi trường; tư vấn giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kỹ thuật, thương mại và môi trường; thiết kế, chế tạo thiết bị, linh kiện và lắp đặt hệ thống điện công nghiệp, hệ thống cầu, thang nâng hạ, thang máy sản xuất, kinh doanh sửa chữa, lắp đặt các sản phẩm cơ khí và máy móc thiết bị công nghiệp; thực hiện các dịch vụ thương mại và công việc có tính chất công nghiệp; giám định kiểm tra chất lượng nguyên phụ liệu, hoá chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm dệt may; dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo nghề dệt may công nghiệp, nghề cơ khí; xuất khẩu lao động Việt Nam; uỷ thác mua bán xăng, dầu; kinh doanh kho vận, kho ngoại quan; thiết kế, thi công xây lắp phục vụ ngành công nghiệp và xây dựng dân dụng; dịch vụ khoa học công nghệ, du lịch, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, vận tải, du lịch lữ hành trong nước; tư vấn thiết kế dịch vụ đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, dịch vụ ăn uống bình dân, dịch vụ vui chơi giải trí, thể dục thể thao; đại lý bán vé máy bay và đại lý bưu chính viễn thông;
  - Kinh doanh tài chính; hoạt động tài chính, chứng khoán, dịch vụ tài chính khác;
  - Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp và đô thị; kinh doanh bất động sản; kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị; cho thuê nhà xưởng, nhà ở, văn phòng; đầu tư kinh doanh bưu chính viễn thông;
  - Tổ chức hội chợ triển lãm, biểu diễn thời trang trong và ngoài nước; xuất bản, in ấn; và
  - Đầu tư ra nước ngoài; làm đại diện cho các công ty nước ngoài tại Việt Nam.
2. Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị nhận đầu tư khác.

#### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nằm trong phạm vi 12 tháng.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Cấu trúc của Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có các đơn vị hạch toán phụ thuộc sau:

<b>Tên</b>	<b>Thông tin chính</b>
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-047 ngày 16 tháng 4 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-049 ngày 4 tháng 11 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy Sợi Vinatex Nam Định	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-050 ngày 1 tháng 7 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy Sợi Vinatex Phú Cường	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-051 ngày 26 tháng 7 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Trung tâm Thời trang Vinatex	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-052 ngày 11 tháng 4 năm 2018 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Nhà máy May Quế Sơn	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-053 ngày 25 tháng 5 năm 2018 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 33 công ty con cấp 1, công ty con cấp 2 và công ty con cấp 3 và 32 công ty liên kết (1/1/2022: 33 công ty con cấp 1, công ty con cấp 2 và công ty con cấp 3 và 33 công ty liên kết), được trình bày tại Thuyết minh 9(b).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 643 nhân viên (1/1/2022: 647 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Kỳ kế toán sáu tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán chủ yếu áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn Dệt May Việt Nam thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Cơ quan Tổng Giám đốc dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa được ghi nhận theo giá trị được xác định lại tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần theo quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c, Khoản 1, Điều 33, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần (“Nghị định 59”) và Khoản 5, Khoản 6, Điều 1, Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59, cụ thể như sau:

- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào công ty cổ phần đã niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu giao dịch trên thị trường chứng khoán tại thời điểm gần nhất với thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần.
- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào (i) cổ phiếu của công ty cổ phần đã niêm yết trên thị trường UPCoM mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước thời điểm định giá; (ii) cổ phiếu của công ty cổ phần chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán và (iii) các doanh nghiệp khác được xác định trên cơ sở:
  - Tỷ lệ vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trên vốn điều lệ, vốn cổ phần hoặc tổng số vốn thực góp tại đơn vị nhận đầu tư.
  - Giá trị vốn chủ sở hữu tại đơn vị nhận đầu tư được xác định theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Trường hợp chưa kiểm toán thì căn cứ vào giá trị vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất của đơn vị đó để xác định.
  - Trường hợp giá trị khoản đầu tư tài chính khi xác định lại có giá trị thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán thì được xác định theo giá trị thực tế xác định lại.

Giá trị đánh giá lại như hướng dẫn ở trên được xem là giá gốc ban đầu của các khoản đầu tư khi Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển thành công ty cổ phần. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Trong trường hợp Tập đoàn Dệt May Việt Nam nhận được cổ tức hoặc lợi nhuận được chia tương ứng với phần tăng thêm do định giá lại khoản đầu tư trong quá trình cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư sẽ được giảm tương ứng với phần cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này (Thuyết minh 3(o)(ii)).

**(iii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(iv) Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính**

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tập đoàn Dệt may Việt Nam có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia.

Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.





**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 4 năm.

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Khấu hao không được trích cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của các hợp đồng thuê đất trong vòng từ 10 đến 40 năm.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(iii) Chi phí khác**

Chi phí trả trước khác bao gồm phí dịch vụ được ghi nhận lần đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng.

**(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

**(k) Dự phòng**

Trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các chính sách kế toán khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(l) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá.

**(ii) Thặng dư vốn cổ phần**

Chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(n) Doanh thu**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

**(ii) Doanh thu dịch vụ gia công**

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iv) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(o) Doanh thu hoạt động tài chính**

**(i) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(ii) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Khoản cổ tức hoặc lợi nhuận được chia đã sử dụng để định giá lại giá trị khoản đầu tư khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá và tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính mà ghi giảm giá trị khoản đầu tư tài chính (Thuyết minh 3(c)(ii)).

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(p) Thuê tài sản**

**(i) Tài sản thuê**

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê không phải thuê tài chính được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

**(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(q) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(r) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

**(s) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong kỳ trước.

#### **4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh**

Lợi nhuận của Tập đoàn Dệt May Việt Nam chủ yếu là thu nhập từ cổ tức được chia từ các đơn vị nhận đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Do việc chia cổ tức thường được các đơn vị nhận đầu tư công bố và xác nhận vào thời điểm cuối năm tài chính, thu nhập từ cổ tức, và theo đó, lợi nhuận trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam thường thấp hơn trong nửa đầu năm so với nửa cuối năm.

Cho kỳ mười hai tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022, thu nhập từ cổ tức của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là 281.147 triệu VND (kỳ mười hai tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021: 194.717 triệu VND) và lợi nhuận trước thuế trước hợp nhất đạt 320.835 triệu VND (kỳ mười hai tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021: 243.016 triệu VND).



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Cơ quan Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất.

**6. Các khoản mục bất thường**

Ngoại trừ ảnh hưởng của vụ hỏa hoạn tại Nhà máy Sợi Vinatex Phú Cường, một đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, đối với các khoản mục phải thu ngắn hạn khác và giá vốn hàng bán như trình bày tại Thuyết minh 13(a) và Thuyết minh 33, Tập đoàn Dệt May Việt Nam không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

**7. Các thay đổi trong cơ cấu đơn vị**

Tập đoàn Dệt May Việt Nam không có thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

**8. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	3.136.535.936	1.275.505.340
Tiền gửi ngân hàng	62.141.725.153	65.532.145.990
Tiền đang chuyển	-	112.234.500
Các khoản tương đương tiền	-	29.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	65.278.261.089	95.919.885.830

Trong tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 có 7.562 triệu VND (1/1/2022: 7.562 triệu VND) tương ứng với các khoản phải trả cho các trường đào tạo để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCĐN (Thuyết minh 23(ii)).



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/6/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	1.314.104.700.000	1.319.753.271.705	1.274.904.700.000	1.284.781.270.090

Các khoản tiền gửi này có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 12 tháng và hưởng lãi suất năm từ 3,9% đến 6,1% (1/1/2022: từ 3,1% đến 6,1%).

Giá trị hợp lý của khoản tiền gửi có kỳ hạn bao gồm giá gốc của khoản tiền gửi ban đầu và lãi dự thu đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 và 1 tháng 1 năm 2022 hiện đang ghi nhận là khoản phải thu khác. Ban lãnh đạo Tập đoàn Dệt May Việt Nam đánh giá rằng khoản tiền gửi này được gửi ở các ngân hàng có uy tín tại Việt Nam nên không bị suy giảm giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và 1 tháng 1 năm 2022.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 bao gồm 110.000 triệu VND (1/1/2022: 110.000 triệu VND) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Thuyết minh 24(b)(ii)).



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn**

	30/6/2022					1/1/2022				
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:										
▪ <b>Công ty con</b>										
• Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	50,10%	50,10%	532.242.925.014	-	(*)	50,10%	50,10%	532.242.925.014	-	(*)
• Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương	100,00%	100,00%	163.627.554.636	(92.269.294.369)	(*)	100,00%	100,00%	163.627.554.636	(83.445.415.676)	(*)
• Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	64,96%	64,96%	189.153.465.950	-	(*)	64,96%	64,96%	189.153.465.950	-	(*)
• Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Dệt May	68,34%	68,34%	26.032.500.000	(26.032.500.000)	(*)	68,34%	68,34%	26.032.500.000	(26.032.500.000)	(*)
• Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	53,67%	53,67%	81.555.023.813	-	(*)	53,67%	53,67%	81.555.023.813	-	(*)
• Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân	100,00%	100,00%	115.191.925.340	(7.846.184.651)	(*)	100,00%	100,00%	115.191.925.340	(10.187.335.620)	(*)
• Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt May Việt Nam	61,63%	61,63%	24.852.076.451	(20.612.384.881)	(*)	61,63%	61,63%	24.852.076.451	(19.407.955.167)	(*)
• Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối	51,00%	51,00%	38.633.449.251	-	(*)	51,00%	51,00%	38.633.449.251	-	(*)
• Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	53,85%	53,85%	73.657.321.350	-	(*)	53,85%	53,85%	73.657.321.350	-	(*)
• Công ty Cổ phần Dệt May Huế	60,86%	60,86%	172.033.729.000	-	(*)	60,86%	60,86%	172.033.729.000	-	(*)
• Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex	100,00%	100,00%	500.000.000.000	-	(*)	100,00%	100,00%	500.000.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex	100,00%	100,00%	191.301.358.205	(37.161.647.460)	(*)	100,00%	100,00%	191.301.358.205	(54.339.421.226)	(*)
• Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng	52,00%	52,00%	33.800.000.000	-	(*)	52,00%	52,00%	33.800.000.000	-	(*)
			2.142.081.329.010	(183.922.011.361)				2.142.081.329.010	(193.412.627.689)	

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	30/6/2022					1/1/2022				
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>▪ Công ty liên kết</b>										
• Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	27,69%	27,69%	64.157.524.344	-	(*)	27,69%	27,69%	64.157.524.344	-	(*)
• Tổng Công ty Đức Giang – CTCP	35,21%	35,21%	48.705.037.797	-	(*)	35,21%	35,21%	48.705.037.797	-	(*)
• Tổng Công ty May Hưng Yên – CTCP	35,01%	35,01%	47.350.233.012	-	(*)	35,01%	35,01%	47.350.233.012	-	(*)
• Tổng Công ty May 10 – CTCP	33,82%	33,82%	97.190.682.268	-	(*)	33,82%	33,82%	97.190.682.268	-	(*)
• Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiên	30,40%	30,40%	288.033.867.683	-	(*)	30,40%	30,40%	288.033.867.683	-	(*)
• Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP	46,93%	46,93%	196.304.445.135	-	(*)	46,93%	46,93%	196.304.445.135	-	(*)
• Các khoản đầu tư tại các công ty liên kết khác (**)			305.336.065.540	(543.856.032)	(*)			312.976.679.391	(543.856.032)	(*)
			<u>1.047.077.855.779</u>	<u>(543.856.032)</u>				<u>1.054.718.469.630</u>	<u>(543.856.032)</u>	
<b>▪ Đơn vị khác</b>										
• Công ty Cổ phần TCE VINA DENIM	2,1%	2,1%	19.450.204.510	(11.397.804.192)	(*)	2,1%	2,1%	19.450.204.510	(16.324.154.142)	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thắng	-	-	-	-	-	18,02%	18,02%	6.305.925.360	-	(*)
• Các khoản đầu tư khác (***)			27.979.908.241	-	(*)			30.002.094.390	-	(*)
			<u>47.430.112.751</u>	<u>(11.397.804.192)</u>				<u>55.758.224.260</u>	<u>(16.324.154.142)</u>	
			<u>3.236.589.297.540</u>	<u>(195.863.671.585)</u>				<u>3.252.558.022.900</u>	<u>(210.280.637.863)</u>	

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 13 công ty con cấp 1 và 18 công ty liên kết cấp 1 (1/1/2022: có 13 công ty con cấp 1 và 19 công ty liên kết cấp 1). Các công ty con và công ty liên kết đều được thành lập tại Việt Nam.

(\*) Tập đoàn Dệt May Việt Nam chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(\*\*) Trong kỳ, một công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là Công ty Cổ phần May Chiến Thắng phát hành thêm vốn cổ phần cho các cổ đông khác, do vậy, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại công ty này giảm từ 21,99% xuống còn 17,44%. Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần May Chiến Thắng được phân loại sang đầu tư vào đơn vị khác.

(\*\*\*) Trong kỳ, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thoái toàn bộ vốn ở hai công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thắng và Công ty Cổ phần Bông Việt Nam.





**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Phải thu về cho vay****(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<b>30/6/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu về cho vay các công ty con</b>		
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Dệt May – Khoản 1	3.023.251.050	3.023.251.050
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May – Khoản 2 (*)	75.987.039.404	75.987.039.404
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	67.986.093.382	64.999.388.608
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	11.803.503.607	-
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3	11.686.607.738	35.000.000.000
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	4.822.347.816	-
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (i)	4.748.209.136	-
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Phương	4.000.000.000	3.200.000.000
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế (i)	1.804.103.506	-
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân (i)	1.336.169.482	-
▪ Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex	-	6.000.000.000
<b>Phải thu về cho vay các công ty liên kết</b>		
▪ Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	-	20.000.000.000
	<b>187.197.325.121</b>	<b>208.209.679.062</b>

(\*) Khoản phải thu về cho vay này, không được tính lãi, và được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại Số 20, Phố Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội của Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May.

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn khác không có tài sản đảm bảo, hưởng lãi theo lãi suất năm từ 0% đến 9% (1/1/2022: từ 0% đến 9%).

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Phải thu về cho vay dài hạn**

	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>30/6/2022 VND</b>	<b>1/1/2022 VND</b>
<b>Phải thu về cho vay các công ty con</b>			
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (i)	2035	508.243.409.199	514.420.670.005
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội (i)	2035	207.643.980.231	210.167.714.008
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (i)	2035	204.451.667.171	206.936.601.158
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (i)	2035	128.603.597.458	130.166.663.496
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế (i)	2035	77.682.331.972	78.626.493.876
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3 (i)	2035	72.623.118.485	73.505.789.988
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân (i)	2035	57.533.715.575	58.232.988.167
▪ Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương (ii)	2024	4.800.000.000	6.400.000.000
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May (iii)	2023	7.000.000.000	3.500.000.000
▪ Công ty TNHH Tổng công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex	2023	-	4.000.000.000
		1.268.581.820.091	1.285.956.920.698

- (i) Đây là các khoản Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho các công ty con vay lại từ nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (Thuyết minh 24(b)(ii)). Các khoản cho vay này được tính lãi theo lãi suất mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải trả cho Ngân hàng Phát triển Châu Á và phí phải trả Bộ Tài chính cộng thêm 0,5% phí quản lý của Tập đoàn.
- (ii) Khoản phải thu về cho vay này không có tài sản đảm bảo và hưởng lãi suất theo lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 13 tháng loại trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam công bố áp dụng đối với các tổ chức, được điều chỉnh 6 tháng một lần.
- (iii) Khoản phải thu về cho vay này được đảm bảo bằng 200.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Đáp Cầu Yên Phong của Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May và hưởng lãi suất 4,6%/năm.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Phải thu khác**

**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức phải thu	193.318.361.285	259.152.932.833
Phải thu Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội (*)	136.932.000.000	136.932.000.000
Phải thu về nhận bồi thường bảo hiểm (**)	62.420.726.479	-
Các khoản trả hộ Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex	79.794.611.470	79.028.427.789
Tiền lãi cho vay	18.430.570.944	16.275.710.933
Lãi tiền gửi	5.648.571.705	9.876.570.090
Phải thu Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân do điều chuyển tài sản	20.205.443.387	20.205.443.387
Quyết toán vốn đầu tư theo Quyết toán cổ phần hóa vào Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân (***)	15.381.160.391	15.381.160.391
Phải thu Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương	16.322.000.000	16.322.000.000
Tạm ứng cho công nhân viên	2.001.747.771	825.028.670
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	21.681.178.712	19.362.057.999
	<b>572.136.372.144</b>	<b>573.361.332.092</b>

(\*) Khoản phải thu này liên quan đến khoản tiền chuyển mục đích sử dụng đất được Bộ Tài chính giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong năm 2015 cho mục đích thực hiện các dự án đầu tư tại Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội. Khoản này sẽ được ghi tăng vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam vào Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội khi các thủ tục thực hiện tăng vốn được hoàn thành. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022, các thủ tục tăng vốn vẫn chưa được hoàn thành.

(\*\*) Đây là giá trị phải thu về bồi thường bảo hiểm liên quan đến số hàng tồn kho đã bị thiệt hại toàn bộ trong vụ hỏa hoạn xảy ra ngày 25 tháng 4 năm 2022 tại Nhà máy Sợi Vinatex Phú Cường, một đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

(\*\*\*) Đây là chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư tài chính dài hạn thực góp ở Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân và giá trị của khoản này được xác định tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần được phê duyệt theo Quyết định 1080 về việc xác định giá trị phần vốn Nhà nước Công ty mẹ – Tập đoàn Dệt May Việt Nam do Bộ Công thương ban hành vào ngày 7 tháng 4 năm 2020. Đối với các công ty con mà Tập đoàn Dệt May sở hữu 100%, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh theo giá trị thực góp vào công ty, phần chênh lệch giữa giá trị xác định lại được phê duyệt theo Quyết định 1080 và giá trị thực góp sẽ được nộp về Quỹ Hỗ trợ Sắp xếp và Phát triển Doanh nghiệp và ghi nhận khoản phải thu hoặc phải trả công ty con tương ứng.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các công ty liên quan như sau:

	<b>30/6/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty con</b>		
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	153.152.898.303	153.060.293.182
▪ Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex	79.794.611.470	79.028.427.789
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân	64.956.605.031	64.930.946.071
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	45.793.932.406	38.158.468.861
▪ Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex	24.939.448.952	-
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương	25.310.076.446	25.201.175.624
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối	16.320.000.000	16.320.000.000
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	392.753.610	14.917.192.734
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế	149.228.712	9.699.319.498
▪ Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	-	15.345.939.000
▪ Các công ty con khác	20.420.268.714	31.670.094.877
<b>Công ty liên kết</b>		
▪ Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	-	16.087.104.000
▪ Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP	24.637.500.000	24.637.500.000
▪ Tổng Công ty May Hưng Yên – CTCP	9.900.000.000	14.230.337.500
▪ Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	5.040.000.000	5.040.000.000
▪ Tổng Công ty Đức Giang – CTCP	7.923.055.000	7.923.055.000
▪ Tổng Công ty May 10 – CTCP	-	10.227.398.000
▪ Các công ty liên kết khác	20.864.380.352	35.325.785.629
	<b>499.594.758.996</b>	<b>561.803.037.765</b>

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thể thu được theo yêu cầu.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Phải thu dài hạn khác**

	<b>30/6/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu dài hạn khác từ công ty con</b>		
Tài sản bàn giao cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex (i)	87.183.367.706	97.802.456.331
Phải thu từ Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3 (ii)	170.496.650.079	170.496.650.079
<b>Phải thu dài hạn khác</b>		
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	4.533.252.508	4.533.252.508
Khác	18.286.359	18.286.359
	<b>262.231.556.652</b>	<b>272.850.645.277</b>

- (i) Phản ánh giá trị ghi sổ của các tài sản thuộc Dự án Nhà máy May Quảng Bình và Nhà máy May Tuyên Quang mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã tạm bàn giao cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex trong năm 2016 và 2017. Tập đoàn Dệt May Việt Nam cũng ghi nhận các khoản vay dài hạn có liên quan đến việc hình thành các tài sản cố định này (Thuyết minh 24(b)). Các khoản phải thu và nợ phải trả này sẽ được xử lý khi Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoàn thành xong các thủ tục bàn giao các khoản nợ phải trả còn lại có liên quan đến việc hình thành các tài sản cố định này cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex. Tại ngày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các thủ tục này vẫn đang được thực hiện.
- (ii) Phản ánh khoản tiền chuyển mục đích sử dụng đất được Bộ Tài chính giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong năm 2015 cho mục đích thực hiện các dự án đầu tư tại Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3. Khoản này sẽ được ghi tăng vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam vào Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3 khi các thủ tục thực hiện tăng vốn được hoàn thành. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022, các thủ tục tăng vốn vẫn chưa được hoàn thành.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	Thời gian quá hạn	30/6/2022			Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	1/1/2022		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND				Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn									
Công ty Cổ phần May Nam An	Trên 3 năm	254.193.100	(254.193.100)	-	Trên 3 năm	254.193.100	(254.193.100)	-	-
Công ty Cổ phần May Bình Minh	Trên 3 năm	200.000.000	(200.000.000)	-	Trên 3 năm	200.000.000	(200.000.000)	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng và Dịch vụ Đầu tư	Trên 3 năm	171.102.254	(171.102.254)	-	Trên 3 năm	171.102.254	(171.102.254)	-	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Dệt may Hưng Yên	Trên 3 năm	72.766.546	(72.766.546)	-	Trên 3 năm	72.766.546	(72.766.546)	-	-
		<u>698.061.900</u>	<u>(698.061.900)</u>	-		<u>698.061.900</u>	<u>(698.061.900)</u>	-	-
<i>Trong đó:</i>									
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			<u>(698.061.900)</u>				<u>(698.061.900)</u>		

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Hàng tồn kho**

	30/6/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	245.407.374.832	-	72.066.752.635	-
Nguyên vật liệu	87.184.009.540	(1.855.019.429)	55.748.239.888	(1.855.019.429)
Công cụ và dụng cụ	4.152.867.250	-	3.116.338.566	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	17.953.170.851	-	12.684.568.541	-
Thành phẩm	92.347.066.575	(1.910.259.453)	18.322.590.844	(1.910.259.453)
Hàng hóa	3.402.355.275	-	3.351.985.468	-
	<hr/>		<hr/>	
	450.446.844.323	(3.765.278.882)	165.290.475.942	(3.765.278.882)

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và 1 tháng 1 năm 2022 có 1.855 triệu VND nguyên vật liệu, 3.115 triệu VND thành phẩm và 630 triệu VND hàng hóa được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**16. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	533.392.109.562	1.090.112.528.775	55.405.261.319	48.243.995.231	1.727.153.894.887
Tăng trong kỳ	4.669.093.526	2.209.222.266	-	317.263.400	7.195.579.192
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	334.711.200	-	-	334.711.200
Thanh lý	(43.622.811.856)	(9.451.539.567)	(13.083.629.081)	(47.688.636)	(66.205.669.140)
Số dư cuối kỳ	494.438.391.232	1.083.204.922.674	42.321.632.238	48.513.569.995	1.668.478.516.139
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	237.475.573.144	488.413.432.108	35.167.111.025	32.825.816.339	793.881.932.616
Khấu hao trong kỳ	14.173.446.570	37.293.415.718	2.147.729.820	1.975.070.937	55.589.663.045
Thanh lý	(17.863.783.594)	(7.016.678.610)	(10.178.299.373)	(47.688.636)	(35.106.450.213)
Số dư cuối kỳ	233.785.236.120	518.690.169.216	27.136.541.472	34.753.198.640	814.365.145.448
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	295.916.536.418	601.699.096.667	20.238.150.294	15.418.178.892	933.271.962.271
Số dư cuối kỳ	260.653.155.112	564.514.753.458	15.185.090.766	13.760.371.355	854.113.370.691

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 109.173 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2022: 107.725 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 683.864 triệu VND (1/1/2022: 722.181 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Thuyết minh 24(b)).



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	78.833.849.210	2.956.399.301	81.790.248.511
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	19.837.555.384	2.391.062.298	22.228.617.682
Khấu hao trong kỳ	819.365.388	64.521.426	883.886.814
Số dư cuối kỳ	20.656.920.772	2.455.583.724	23.112.504.496
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	58.996.293.826	565.337.003	59.561.630.829
Số dư cuối kỳ	58.176.928.438	500.815.577	58.677.744.015

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 có các tài sản cố nguyên giá 2.041 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2022: 2.041 triệu VND).



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Xây dựng cơ bản dở dang**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Số dư đầu kỳ	104.028.340.787	65.060.414.073
Tăng trong kỳ	41.083.268.758	24.477.344.576
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(334.711.200)	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>144.776.898.345</b>	<b>89.537.758.649</b>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Dự án 39-41 Võ Văn Kiệt	112.834.347.091	73.439.008.888
Nhà máy Sợi Nam Định	18.916.452.363	18.841.452.363
Nhà máy Liên hợp Sợi-Dệt-Nhuộm-May Quảng Nam	5.236.283.563	5.236.283.563
Các công trình khác	7.789.815.328	6.511.595.973
<b>Tổng cộng</b>	<b>144.776.898.345</b>	<b>104.028.340.787</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ là 22.562 triệu VND (1/1/2022: 22.562 triệu VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Thuyết minh 24(b)).

**19. Chi phí trả trước dài hạn**

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	40.705.873.595	5.189.454.779	315.972.220	46.211.300.594
Tăng trong kỳ	-	3.010.907.459	23.040.000	3.033.947.459
Phân bổ trong kỳ	(621.213.600)	(2.688.145.689)	(68.323.581)	(3.377.682.870)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>40.084.659.995</b>	<b>5.512.216.549</b>	<b>270.688.639</b>	<b>45.867.565.183</b>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
<b>Phải trả người bán là các công ty con</b>		
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	166.189.960	131.545.680
<b>Phải trả người bán là các công ty liên kết</b>		
▪ Tổng Công ty Đức Giang – CTCP	9.717.182.039	106.060.336.229
▪ Tổng Công ty May 10 – CTCP	137.075.120	4.133.888.027
▪ Các công ty liên kết khác	370.038.945	92.097.582
<b>Phải trả người bán khác</b>		
▪ Ecom USA LLC	38.032.583.869	-
▪ Multi-Fiber Handels Gmbh	33.218.137.445	-
▪ Ecom Agroindustrial Corp. Limited	33.091.295.580	-
▪ CDI Cotton Distributors Inc	17.173.607.885	8.958.970
▪ Olam International Limited	-	31.236.164.906
▪ Công ty Cổ phần May Tiền Tiến	190.168.806	7.274.826.926
▪ Devcot S.A	135.418.077	19.030.531.925
▪ Viterra B.V	31.118.301	28.760.315.564
▪ Các nhà cung cấp khác	29.036.214.633	12.445.700.134
	161.299.030.660	209.174.365.943

Khoản phải trả các công ty con và các công ty liên kết không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.





**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**21. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước****(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	1/1/2022 VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số phát sinh/ đã thu được trong kỳ VND	Biến động khác VND	30/6/2022 VND
<b>Thuế</b>					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	204.960.646	-	-	-	204.960.646
<i>Văn phòng</i>	204.960.646	-	-	-	204.960.646
Thuế thu nhập cá nhân	-	15.164.331	-	-	15.164.331
<i>Trung tâm thời trang</i>	-	15.164.331	-	-	15.164.331
Tiền thuê đất, thuế đất	996.105.600	-	(996.105.600)	1.108.562.903	1.108.562.903
<i>Văn phòng Hà Nội</i>	-	-	-	1.108.562.903	1.108.562.903
<i>Văn phòng Thành phố Hồ Chí Minh</i>	996.105.600	-	(996.105.600)	-	-
	1.201.066.246	15.164.331	(996.105.600)	1.108.562.903	1.328.687.880

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2022 VND	Thuế GTGT đầu ra VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp/ được hoàn trong kỳ VND	Bù trừ với thuế GTGT đầu vào VND	30/6/2022 VND
<b>Thuế</b>						
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.579.694.329	37.677.573.051	-	(13.983.387.375)	(22.415.416.783)	4.858.463.222
<i>Văn phòng</i>	-	17.910.508.759	-	(1.695.365.366)	(16.215.143.393)	-
<i>Nhà máy Sợi Phú Cường</i>	3.267.830.454	14.684.990.223	-	(10.823.686.938)	(2.746.452.018)	4.382.681.721
<i>Nhà máy Sợi Nam Định</i>	-	1.228.142.606	-	-	(919.110.670)	309.031.936
<i>Trung tâm Thời trang Vinatex</i>	311.863.875	3.853.931.463	-	(1.464.335.071)	(2.534.710.702)	166.749.565
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	157.898.499	(157.898.499)	-	-
<i>Nhà máy Sợi Nam Định</i>	-	-	157.898.499	(157.898.499)	-	-
Các loại thuế khác	717.229.425	-	5.604.544.893	(5.809.519.747)	-	512.254.571
+ Thuế môn bài	-	-	8.000.000	(8.000.000)	-	-
<i>Văn phòng Hà Nội</i>	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
<i>Nhà máy Sợi Nam Định</i>	-	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
<i>Nhà máy Sợi Phú Cường</i>	-	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
<i>Nhà máy May Quế Sơn</i>	-	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
<i>Trung tâm Thời trang Vinatex</i>	-	-	2.000.000	(2.000.000)	-	-
+ Thuế thu nhập cá nhân	717.229.425	-	5.575.898.984	(5.780.873.838)	-	512.254.571
<i>Văn phòng</i>	679.209.080	-	5.450.668.952	(5.639.204.164)	-	490.673.868
<i>Nhà máy Sợi Nam Định</i>	17.705.654	-	67.102.444	(73.607.798)	-	11.200.300
<i>Nhà máy Sợi Phú Cường</i>	3.429.698	-	55.727.487	(48.776.782)	-	10.380.403
<i>Trung tâm Thời trang Vinatex</i>	16.884.993	-	2.400.101	(19.285.094)	-	-
+ Thuế nhập khẩu	-	-	20.645.909	(20.645.909)	-	-
<i>Nhà máy Sợi Nam Định</i>	-	-	20.645.909	(20.645.909)	-	-

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	1/1/2022 VND	Thuế GTGT đầu ra VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp/ được hoàn trong kỳ VND	Bù trừ với thuế GTGT đầu vào VND	30/6/2022 VND
<b>Các khoản phải nộp khác</b>	-	-	2.743.000.641	(2.743.000.641)	-	-
+ Tiền thuê đất, thuế đất	-	-	2.740.463.233	(2.740.463.233)	-	-
<i>Văn phòng Hà Nội</i>	-	-	2.038.812.462	(2.038.812.462)	-	-
<i>Văn phòng Thành phố Hồ Chí Minh</i>	-	-	701.650.771	(701.650.771)	-	-
+ Các khoản khác	-	-	2.537.408	(2.537.408)	-	-
<i>Văn phòng Hà Nội</i>	-	-	2.537.408	(2.537.408)	-	-
	4.296.923.754	37.677.573.051	8.505.444.033	(22.693.806.262)	(22.415.416.783)	5.370.717.793



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**22. Chi phí phải trả**

**(a) Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>30/6/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	1.832.351.596	126.031.350
Chi phí phải trả khác	2.207.286.353	1.272.867.353
	4.039.637.949	1.398.898.703
Phần chi phí phải trả dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng	464.849.280	948.672.000
	4.504.487.229	2.347.570.703

**(b) Chi phí phải trả dài hạn**

	<b>30/6/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền thuê đất phải trả (*)	11.156.382.720	22.768.128.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(464.849.280)	(948.672.000)
	10.691.533.440	21.819.456.000

(\*) Phản ánh số tiền thuê đất tại Số 10 Nguyễn Huệ, Thành phố Hồ Chí Minh tương ứng với phần diện tích được sử dụng bởi Công ty TNHH Xây dựng và Sản xuất Tài Nguyên trong thời hạn của hợp đồng cho thuê đến năm 2046.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các bên khác</b>		
Cổ tức phải trả (i)	100.389.442.125	345.104.125
Phải trả nguyên vật liệu đi mượn	91.162.664.791	-
Phải trả hàng cho CTCP Sợi Phú Hoàng liên quan đến hàng giữ hộ bị cháy	15.869.793.450	-
Phải trả cho các trường đào tạo (ii)	7.562.091.012	7.562.091.012
Quỹ từ thiện	3.145.248.287	3.145.248.287
Lãi vay phải trả	2.486.851.423	1.939.235.241
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	1.071.025.117	1.057.441.227
Các khoản phải trả khác	6.712.101.871	7.925.885.023
	<b>228.399.218.076</b>	<b>21.975.004.915</b>

(i) Chi tiết số dư cổ tức phải trả cụ thể như sau:

	<b>30/6/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH	53.487.620.000	-
ITOCHU Corporation	13.000.000.000	-
Các cổ đông khác	33.901.822.125	345.104.125
	<b>100.389.442.125</b>	<b>345.104.125</b>

(ii) Phải trả cho các trường đào tạo là phần vốn xây dựng cơ bản được Ngân sách Nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để giải ngân cho các trường đào tạo thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCDN, chi tiết như sau:

	<b>30/6/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trường Cao đẳng nghề Kinh tế Kỹ thuật Vinatex	1.190.698.513	1.190.698.513
Trường Cao đẳng Công nghiệp Dệt May Thời trang Hà Nội	5.590.422.000	5.590.422.000
Trường Cao đẳng nghề Kinh tế Kỹ thuật Vinatex Thành phố Hồ Chí Minh	780.970.499	780.970.499
	<b>7.562.091.012</b>	<b>7.562.091.012</b>

Tại ngày của báo cáo này, các trường đào tạo chưa quyết toán xong các dự án nâng cấp, mở rộng trường nên Tập đoàn Dệt May Việt Nam chưa giải ngân các khoản này.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**24. Vay****(a) Vay ngắn hạn**

	<b>1/1/2022</b> Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	<b>Tăng</b> VND	<b>Giảm</b> VND	<b>Chênh lệch</b> tỷ giá VND	<b>30/6/2022</b> Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	205.511.574.360	690.176.439.370	(259.934.647.496)	10.014.994.895	645.768.361.129
Vay dài hạn đến hạn trả	97.625.149.694	61.022.443.372	(41.708.980.401)	1.680.342.417	118.618.955.082
	<b>303.136.724.054</b>	<b>751.198.882.742</b>	<b>(301.643.627.897)</b>	<b>11.695.337.312</b>	<b>764.387.316.211</b>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b> (%)	<b>30/6/2022</b> VND	<b>1/1/2022</b> VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình	USD	1,9% - 4,03%	264.854.630.621	51.450.759.846
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	USD	1,9% - 3,88%	201.679.917.887	136.807.715.754
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	USD	2,7% - 4,99%	179.233.812.621	17.253.098.760
			<b>645.768.361.129</b>	<b>205.511.574.360</b>

Các khoản vay ngắn hạn không được đảm bảo.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Vay dài hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm %</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>30/6/2022 VND</b>	<b>1/1/2022 VND</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (i)	USD	2,8%	2025	21.402.043.826	20.949.598.314
Ngân hàng Phát triển Châu Á (ii)	USD	Thả nổi	2020-2039	1.562.945.828.960	1.546.192.755.805
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh (iii)	USD	2,8%	2027	64.719.060.000	63.350.880.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình (iv)	USD	3,49%	2028	71.694.053.197	85.766.403.466
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai (v)	USD	5,36%	2025	17.315.439.330	16.949.385.840
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm (vi)	VND	7,6%	2024	19.703.482.842	21.892.752.842
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm (vi)	USD	4,53%	2024	33.013.862.175	39.497.233.800
				<hr/>	<hr/>
				1.790.793.770.330	1.794.599.010.067
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 24(a))				(118.618.955.082)	(97.625.149.694)
				<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				1.672.174.815.248	1.696.973.860.373
				<hr/>	<hr/>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Các khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị, xây dựng cơ bản dở dang hình thành từ Dự án Nhà máy Sợi Nam Định với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 200.756 triệu VND (1/1/2022: 210.024 triệu VND).
- (ii) Khoản vay này được đảm bảo bằng:
- một số tài sản cố định của Tập đoàn Dệt May Việt Nam với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 98.179 triệu VND (1/1/2022: 107.238 triệu VND);
  - một số tài sản cố định của các công ty con của Tập đoàn bao gồm Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3, Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ, Công ty Cổ phần Dệt May Huế, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định và Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú;
  - các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm với giá trị là 110.000 triệu VND (1/1/2022: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với giá trị 110.000 triệu VND) (Thuyết minh 9(a));
- Khoản vay này bằng USD, có hạn mức là 105 triệu USD và chịu lãi suất năm thả nổi được điều chỉnh 6 tháng một lần theo công thức: Libor 6 tháng bằng đồng USD cộng biên độ lãi suất 0,6% trừ (-) một khoản giảm trừ là 0,1% cộng (+) phí bảo hiểm kỳ hạn 0,2%. Khoản vay được hoàn trả từ ngày 1 tháng 6 năm 2020 đến ngày 1 tháng 12 năm 2039, trong 40 kỳ nửa năm, số tiền trả mỗi kỳ được xác định bằng cách nhân tổng số nợ gốc đã rút với phần trả mỗi lần (%) được quy định trong hợp đồng vay.
- Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải thực hiện đầy đủ các điều khoản của Hiệp định vay với Ngân hàng Phát triển Châu Á và Hiệp định vay phụ với Bộ Tài chính.
- (iii) Các khoản vay này được bảo đảm bằng một số tài sản cố định của Văn phòng Hồ Chí Minh với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 135.164 triệu VND (1/1/2022: 143.208 triệu VND).
- (iv) Các khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 267.091 triệu VND (1/1/2022: 279.037 triệu VND).
- (v) Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho Dự án Nhà máy May Quế Sơn với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 5.236 triệu VND (1/1/2022: 5.236 triệu VND).
- (vi) Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy May Tuyên Quang bao gồm các tài sản đã được Tập đoàn chuyển giao cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex, một công ty thuộc sở hữu 100% của Tập đoàn.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Số dư đầu kỳ	28.990.321.045	25.703.242.101
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 26)	22.257.000.000	20.000.000.000
Sử dụng trong kỳ	(6.671.838.889)	(5.152.978.888)
Số dư cuối kỳ	44.575.482.156	40.550.263.213



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**26. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1/1/2021</b>	5.000.000.000.000	30.361.932.352	212.682.269.230	543.092.845.095	5.786.137.046.677
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	107.518.072.045	-	107.518.072.045
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 25)	-	-	(20.000.000.000)	-	(20.000.000.000)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2021</b>	5.000.000.000.000	30.361.932.352	300.200.341.275	543.092.845.095	5.873.655.118.722
<b>Số dư tại ngày 1/1/2022</b>	5.000.000.000.000	30.361.932.352	503.157.559.155	543.092.845.095	6.076.612.336.602
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	114.096.210.000	-	114.096.210.000
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 25)	-	-	(22.257.000.000)	-	(22.257.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 28)	-	-	(350.000.000.000)	-	(350.000.000.000)
Giảm khác	-	-	(11.527.613.551)	-	(11.527.613.551)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2022</b>	5.000.000.000.000	30.361.932.352	233.469.155.604	543.092.845.095	5.806.923.933.051

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***27. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tập đoàn Dệt May Việt Nam như sau:

	<b>30/6/2022 và 1/1/2022</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	500.000.000	5.000.000.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

/ A.H.T. /  
/ M. /  
/ /

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	<b>Đã phát hành và đang lưu hành</b>					
	<b>30/6/2022</b>			<b>1/1/2022</b>		
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>	<b>%</b>	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>	<b>%</b>
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH	267.438.100	2.674.381.000.000	53,49%	267.438.100	2.674.381.000.000	53,49%
ITOCHU Corporation	65.000.000	650.000.000.000	13,00%	65.000.000	650.000.000.000	13,00%
Tập đoàn Vingroup – CTCP	-	-	-	25.000.000	250.000.000.000	5,00%
Các cổ đông khác	167.561.900	1.675.619.000.000	33,51%	142.561.900	1.425.619.000.000	28,51%
	<b>500.000.000</b>	<b>5.000.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>500.000.000</b>	<b>5.000.000.000.000</b>	<b>100%</b>



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**28. Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 24 tháng 5 năm 2022, Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã quyết định phân phối khoản cổ tức từ lợi nhuận năm 2021 là 350.000 triệu VND, tương ứng với tỷ lệ 7% trên mệnh giá.

**29. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản**

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được Ngân sách Nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để giải ngân cho các dự án đầu tư bao gồm:

	<b>Tại ngày 30/6/2022 và ngày 1/1/2022 VND</b>
Dự án Nhà máy Kéo sợi	104.848.000.000
Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường	85.600.000.000
Dự án Nhà máy Kéo sợi mới hai vạm cọc sợi	85.000.000.000
Dự án Nhà máy Sợi Nam Định	80.900.000.000
Dự án Nhà máy Sợi Phú Hưng	69.164.195.144
Dự án Đầu tư Phát triển Dệt nhuộm tại Miền Trung	54.496.650.079
Dự án Nhà máy May Dệt kim	32.083.999.872
Dự án Di dời và Đầu tư Nâng cấp Xí nghiệp Sợi và Xí nghiệp Dệt	31.000.000.000
	<hr/>
	543.092.845.095

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có trách nhiệm quản lý và sử dụng số vốn được giao theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn về cơ chế thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn Ngân sách Nhà nước.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã hoàn thành và quyết toán Dự án Nhà máy Sợi Phú Hưng, Dự án Nhà máy Sợi Nam Định – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Kéo sợi và Dự án Nhà máy May Dệt kim, Dự án Di dời và Đầu tư Nâng cấp Xí nghiệp Sợi và Xí nghiệp Dệt, Dự án Đầu tư Nhà máy Kéo sợi mới hai vạm cọc sợi và Dự án Đầu tư Phát triển Dệt nhuộm tại Miền Trung. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang trong quá trình làm việc với các bên hữu quan để xác định thời điểm và giá trị phần nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**30. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định**

Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định được Ngân sách Nhà nước cấp cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để đầu tư xây dựng Nhà truyền thống ngành Dệt May Việt Nam. Biến động của nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định trong kỳ như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2022</b>	<b>30/6/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	24.256.143.942	26.297.770.962
Hao mòn của Nhà truyền thống ngành Dệt May Việt Nam	(1.020.813.510)	(1.020.813.510)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	23.235.330.432	25.276.957.452
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**31. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>30/6/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	18.133.010.028	8.174.717.636
Trong vòng hai đến năm năm	8.224.261.379	-
	<hr/>	<hr/>
	26.357.271.407	8.174.717.636
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**(b) Ngoại tệ các loại**

	<b>30/6/2022</b>		<b>1/1/2022</b>	
	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>
USD	540.646	12.506.442.865	414.190	9.381.964.915
EUR	99.459	2.381.430.548	99.473	2.525.874.705
		<hr/>		<hr/>
		14.887.873.413		11.907.839.620
		<hr/> <hr/>		<hr/> <hr/>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	<b>30/6/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	11.559.316.360	69.373.500.740
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	210.558.515.703	258.186.988.860
	222.117.832.063	327.560.489.600
	222.117.832.063	327.560.489.600

**(d) Các hợp đồng bảo lãnh tài chính**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 Tập đoàn có các khoản bảo lãnh còn hiệu lực đối với các khoản vay của Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Dệt May, một công ty con của Tập đoàn, với tổng giá trị là 101.424 triệu VND (1/1/2022: 109.645 triệu VND).

**32. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2022</b>	<b>30/6/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bán hàng và dịch vụ gia công	600.799.397.519	491.558.356.943
Doanh thu dịch vụ	43.755.128.851	50.459.270.991
	644.554.526.370	542.017.627.934
	644.554.526.370	542.017.627.934



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**33. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Hàng hoá đã bán và dịch vụ gia công	551.613.369.800	438.744.410.517
Hàng tồn kho bị tổn thất do hỏa hoạn (*)	55.456.609.826	-
Dịch vụ đã cung cấp	14.805.546.306	16.748.152.509
Trích lập dự phòng hàng tồn kho	-	1.086.012.800
	621.875.525.932	456.578.575.826

(\*) Đây là giá trị hàng tồn kho không thuộc phạm vi bảo hiểm đã bị thiệt hại toàn bộ trong vụ hỏa hoạn xảy ra ngày 25 tháng 4 năm 2022 tại Nhà máy Sợi Vinatex Phú Cường, một đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

**34. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	48.444.472.329	40.702.967.091
Cổ tức	110.064.462.475	14.532.961.220
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư vào công ty liên kết	-	19.827.839.752
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư khác	9.161.370.640	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.884.090.481	1.298.192.391
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	552.630.617
	170.554.395.925	76.914.591.071

**35. Chi phí tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	18.429.865.567	19.376.022.354
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(14.416.966.278)	(25.910.181.381)
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	554.121.091	439.352.027
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	21.057.371.984	-
	25.624.392.364	(6.094.807.000)

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**36. Chi phí bán hàng**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2022</b>	<b>30/6/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	5.449.666.376	5.338.775.791
Chi phí khấu hao và phân bổ	5.827.709.282	6.313.219.253
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.962.609.075	4.497.611.975
Các chi phí bán hàng khác	6.049.041.107	5.771.942.899
	23.289.025.840	21.921.549.918

**37. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2022</b>	<b>30/6/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	15.572.299.535	15.627.561.666
Chi phí khấu hao và phân bổ	4.102.364.286	2.937.937.915
Chi phí nhiên liệu, bảo dưỡng xe	735.892.537	778.255.095
Chi phí thuê đất và nhà cửa	7.001.286.511	8.981.178.231
Công tác phí	1.856.883.384	850.611.189
Chi phí thuế, phí và lệ phí	204.221.799	310.348.858
Chi phí điện, nước, điện thoại	303.361.651	346.181.749
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.141.978.565	11.097.501.798
	31.918.288.268	40.929.576.501

**38. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2022</b>	<b>30/6/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	405.466.627.862	379.920.079.709
Chi phí nhân viên	46.237.954.657	48.548.970.989
Chi phí khấu hao và phân bổ	56.073.949.949	55.386.135.475
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.666.217.320	43.364.449.474
Chi phí khác	1.671.802.940	1.842.319.316

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**39. Thuế thu nhập**

**(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	114.096.210.000	107.518.072.045
Thuế tính theo thuế suất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam	22.819.242.000	21.503.614.409
Giá trị thuế của chi phí không được khấu trừ thuế	1.500.079.934	580.894.578
Giá trị thuế của thu nhập không bị tính thuế	(22.012.892.495)	(2.906.592.244)
Lỗ tính thuế được sử dụng	-	(18.033.750.241)
Biến động chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	(2.306.429.439)	(1.144.166.502)
	-	-

**(b) Thuế suất áp dụng**

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.





40. Chi tiết doanh thu và lợi nhuận của các đơn vị phụ thuộc

STT	Đơn vị	Tổng doanh thu Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Chi tiết doanh thu Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022			Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
			Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ VND	Doanh thu hoạt động tài chính VND	Thu nhập khác VND	
1	Văn phòng Công ty mẹ	419.336.859.127	249.634.426.024	167.658.636.124	2.043.796.979	135.099.780.114
2	<b>Các đơn vị phụ thuộc</b>					
	Nhà máy Sợi Vinatex Phú Cường	180.029.592.602	179.958.929.194	24.367.112	46.296.296	(44.290.906.757)
	Nhà máy Sợi Vinatex Nam Định	199.671.203.928	196.807.375.539	2.863.828.389	-	20.539.894.944
	Trung tâm Thời trang Vinatex	18.161.161.249	18.153.795.613	7.365.636	-	2.601.287.580
	Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed	150.000.000	-	-	150.000.000	150.000.000
	Nhà máy May Quế Sơn	198.664	-	198.664	-	(3.845.881)
3	<b>Tổng cộng</b>	817.349.015.570	644.554.526.370	170.554.395.925	2.240.093.275	114.096.210.000

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**41. Các giao dịch chủ yếu với bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Tập đoàn Dệt May Việt Nam có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND</b>	<b>30/6/2021 VND</b>
<b>Nhà đầu tư</b>		
<b>Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH Cổ tức đã chia</b>	187.206.670.000	-
<b>Công ty con</b>		
<b>Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3</b>		
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	57.479.959.946	101.342.306.196
Mua hàng hóa và dịch vụ	40.000.000	-
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”)	658.927.268	639.947.261
Thu hồi gốc vay	25.000.000.000	6.423.584.350
Thu hồi gốc vay nguồn vốn vay ADB	777.367.094	702.514.399
Bù trừ phải thu ngắn hạn khác với phải trả ngắn hạn khác	-	522.970.203
<b>Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ</b>		
Doanh thu cho thuê	7.814.849.942	9.783.418.518
Doanh thu cung cấp dịch vụ	391.515.084	411.839.196
Doanh thu bán tài sản	32.600.000.000	-
Mua hàng hóa	-	3.040.909
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay ADB	1.855.039.474	1.801.607.235
Thu hồi gốc vay nguồn vốn vay ADB	2.188.476.696	1.977.748.351
<b>Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	293.000.000	65.428.450
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay ADB	4.670.195.588	4.476.961.507
Thu hồi gốc vay nguồn vốn vay ADB	5.461.379.361	4.917.517.675
Cổ tức	74.817.592.000	-
<b>Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	60.000.000	-
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay ADB	1.884.004.204	1.829.764.236
Thu hồi gốc vay nguồn vốn vay ADB	2.222.647.562	2.008.628.873

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2022</b>	<b>30/6/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty Cổ phần Dệt May Huế</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	90.000.000	20.000.000
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay ADB	704.830.728	684.528.930
Thu hồi gốc vay nguồn vốn vay ADB	831.521.567	751.291.934
<b>Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	20.000.000	21.420.000
Mua hàng hóa, dịch vụ	133.452.000	288.225.250
Thu nhập lãi vay	2.256.280.143	2.256.280.143
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay ADB	1.166.851.350	1.133.242.122
Thu hồi gốc vay nguồn vốn vay ADB	1.376.589.358	1.244.037.501
<b>Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân</b>		
Doanh thu bán hàng hóa	8.151.398.974	4.271.537.790
Mua hàng hóa	1.925.778	315.496.455
Cổ tức	-	14.177.220
Doanh thu cung cấp dịch vụ	257.916.046	243.796.190
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay ADB	522.017.008	506.980.842
Thu hồi gốc vay nguồn vốn vay ADB	617.703.970	556.548.142
Bù trừ phải thu về cổ tức với phải trả quỹ khen thưởng phúc lợi	-	3.055.465.397
<b>Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	30.000.000
<b>Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương</b>		
Doanh thu cho thuê	-	7.500.000.000
Bù trừ phải thu về cổ tức với phải trả quỹ khen thưởng phúc lợi	-	1.693.254.921
Bù trừ trả trước cho người bán ngắn hạn với phải trả ngắn hạn khác và phải trả người bán ngắn hạn	-	6.798.389.740
Thu hồi gốc cho vay	800.000.000	-
Thu nhập lãi cho vay	219.734.795	-
<b>Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex</b>		
Thu hồi gốc vay	-	23.700.000.000
Cổ tức	24.939.448.952	-
Thu nhập lãi vay	-	648.372.603
Trả hộ lãi vay dự án May Tuyên Quang	1.422.797.068	1.809.078.588
Thu hồi lãi vay và gốc vay dự án May Tuyên Quang	12.951.582.197	13.431.573.664



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc****ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND</b>	<b>30/6/2021 VND</b>
<b>Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex</b>		
Thu hồi gốc cho vay	10.000.000.000	-
Thu nhập lãi cho vay	179.753.424	-
<b>Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối</b>		
Doanh thu cho thuê	4.529.590.750	3.975.773.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	40.475.000
<b>Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng</b>		
Doanh thu cho thuê	11.306.741.157	11.573.898.163
Doanh thu bán hàng hóa	(239.288.147)	26.214.401.332
<b>Công ty liên kết</b>		
<b>Tổng Công ty May 10 – CTCP</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	386.331.343	333.096.203
Mua hàng hóa	205.037.589	4.024.295.069
<b>Công ty Cổ phần May Hữu Nghị</b>		
Cổ tức	1.043.008.800	13.906.784.000
<b>Công ty Cổ phần May Bình Minh</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	264.417.680	254.018.635
Mua hàng hóa	40.909.091	-
Cổ tức	396.900.000	-
<b>Công ty Cổ phần May Chiến Thắng</b>		
Cổ tức	612.000.000	612.000.000
<b>Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.275.483.387	946.869.927
<b>Công ty Cổ phần Tổng Công ty May Đồng Nai</b>		
Mua hàng hóa	30.445.455	37.272.727
Cổ tức	2.810.808.000	-
<b>Tổng Công ty Đức Giang – CTCP</b>		
Mua hàng hóa	748.917.790	2.990.364.267
<b>Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.720.701.527	1.664.317.322
Mua hàng hóa, dịch vụ	4.940.907	15.399.999

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
<b>Tổng Công ty May Hưng Yên - CTCP</b>		
Cổ tức	5.692.135.000	-
<b>Công ty Cổ phần May Nam Định</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	550.000	20.550.000
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex</b>		
Doanh thu cho thuê	523.166.400	523.166.400
<b>Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam</b>		
Thu hồi gốc cho vay	20.000.000.000	-
Thu nhập lãi cho vay	784.109.588	-
<b>Công ty Cổ phần Dệt lụa Nam Định</b>		
Cổ tức	1.066.406.000	-
<b>Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt</b>		
<b>Thành viên Hội đồng quản trị</b>		
Ông Lê Tiến Trường – Chủ tịch	496.300.000	496.300.000
Ông Trần Quang Nghị – Phó Chủ tịch	86.080.000	86.080.000
Ông Đặng Vũ Hùng – Ủy viên	58.000.000	-
Ông Vũ Hồng Tuấn – Ủy viên	284.800.000	284.800.000
Ông Nguyễn Xuân Đông – Ủy viên	54.000.000	-
Ông Lê Khắc Hiệp – Ủy viên	-	54.000.000
<b>Cơ quan Tổng Giám đốc</b>		
Ông Cao Hữu Hiếu – Tổng Giám đốc	454.600.000	-
Ông Đặng Vũ Hùng – Tổng Giám đốc	-	414.400.000
Những người quản lý khác	2.039.754.000	2.468.377.000







Số: 461/TĐDMVN-TCKT  
V/v: Giải trình một số vấn đề trong  
BCTC soát xét bán niên năm 2022

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2022

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tập đoàn Dệt May Việt Nam (mã CK: VGT) xin giải trình một số vấn đề trong báo cáo tài chính (BCTC) bán niên năm 2021 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán KPMG (KPMG) như sau:

**1. Về ý kiến kiểm toán ngoại trừ trong BCTC soát xét hợp nhất bán niên năm 2022:**

**1.1. Ý kiến ngoại trừ về phần lãi trong công ty liên kết**

Công ty TNHH Coats Phong Phú (Coats Phong Phú) là công ty liên kết của Tổng công ty Cổ phần Phong Phú (công ty con của Tập đoàn Dệt May Việt Nam), trong đó Tổng công ty Cổ phần Phong Phú sở hữu 35% vốn điều lệ của Coats Phong Phú. Do đó, khi hợp nhất BCTC, Tập đoàn ghi nhận khoản đầu tư vào Coats Phong Phú theo phương pháp vốn chủ sở hữu, với giá trị ghi sổ là 949 tỷ VND trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/6/2022 (1/1/2022: 800 tỷ VND). Phần sở hữu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong LNST thu nhập doanh nghiệp cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 của Coats Phong Phú là 149 tỷ VND, đang được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ 6 tháng kết thúc cùng ngày.

Do mức độ ảnh hưởng trọng yếu của Coats Phong Phú đến BCTC soát xét hợp nhất của Tập đoàn, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã đề nghị Tổng công ty Cổ phần Phong Phú và Coats Phong Phú cho phép KPMG tiếp cận các tài liệu liên quan đến công tác soát xét BCTC bán niên năm 2022 của Coats Phong Phú. Về việc này, Coats Phong Phú đã đồng ý cho KPMG được tiếp cận, trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán của Coats Phong Phú. Tuy nhiên, do Coats Phong Phú không thực hiện kiểm toán BCTC bán niên nên KPMG chỉ có thể được tiếp cận và trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán của Coats Phong Phú cho kỳ kiểm toán năm kết thúc ngày 31/12/2022.

Vì lý do nêu trên, đến ngày 29/8/2022 là thời điểm phát hành BCTC soát xét hợp nhất bán niên năm 2022 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, KPMG vẫn chưa được tiếp cận và trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán của Coats Phong Phú. Do đó, KPMG đã đưa ra ý kiến ngoại trừ về các ảnh hưởng có thể có của Coats Phong Phú đến BCTC soát xét hợp nhất bán niên năm 2022 của Tập đoàn.

**1.2. Ý kiến ngoại trừ về trích lập quỹ lương dự phòng**

Công ty CP Dệt May Huế (Dệt may Huế) là một công ty con của Tập đoàn Dệt may Việt Nam. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2022, công ty con này đã ghi nhận khoản dự phòng tiền lương để trả cho công nhân viên cho các kỳ sau với số tiền 115,3 tỷ đồng. Về vấn đề này, Dệt may Huế đang trích trước phần lương phải trả cho công nhân viên cho kỳ sáu tháng cuối năm để đảm bảo cho việc chi trả lương cho người lao động không gặp gián đoạn trước những dự báo được cho là bất lợi với thị trường trong 6 tháng cuối năm. Quỹ lương trích trước dự kiến sẽ được sử dụng trước 31/03/2023 và sẽ được hoàn nhập theo quy định của pháp luật nếu không sử dụng hết. Việc trích lập quỹ lương dự phòng này, Dệt may Huế đã có văn bản chấp thuận của Tổng giám đốc, tuy nhiên KPMG cho rằng chứng từ này chưa đủ căn cứ để chứng minh nghĩa vụ nợ hiện tại của công ty với người lao động do đó KPMG đã đưa ra ý kiến ngoại trừ.

**2. Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm trên BCTC soát xét bán niên năm 2022 so với cùng kỳ năm 2021 có sự chênh lệch trên 10%:**

***Đối với BCTC soát xét bán niên Hợp nhất:***

- LNST 6 tháng năm 2022 trên BCTC soát xét hợp nhất: 898.473.251.269 đồng.
- LNST 6 tháng năm 2021 trên BCTC soát xét hợp nhất: 585.651.397.303 đồng.

Chênh lệch tăng: 312.821.853.966 đồng, tương đương tỷ lệ tăng 53,41% so với cùng kỳ năm trước.

***Nguyên nhân chính:***

Kết quả hợp nhất của Tập đoàn 6 tháng đầu năm 2022 tăng so với cùng kỳ năm ngoái, nguyên nhân chủ yếu do các tháng đầu năm 2022, thị trường sợi vẫn phát huy những ảnh hưởng tích cực từ cuối năm 2021 với đơn hàng đều đặn và giá bán tốt. Sang đầu Quý 2, mặc dù thị trường có dấu hiệu chững lại, giá bán sợi không tăng, song do dự báo được sự tăng cao của giá bông, các đơn vị sợi trong Tập đoàn đã đưa ra những quyết sách phù hợp, dự trữ được lượng bông lớn với giá thành rẻ, nhờ đó thu được kết quả rất tích cực.

Ngoài ra, nếu như trong 6 tháng đầu năm 2021, tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp may gặp nhiều bất lợi do ảnh hưởng của dịch bệnh thì 6 tháng đầu năm nay, tất cả các doanh nghiệp may trong Tập đoàn đều có lãi, các đơn vị may đã ổn định sản xuất với đơn hàng đầy tải trong sáu tháng đầu năm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam cam kết nội dung trong bản giải trình trên đây là trung thực và chính xác.

Trân trọng!

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Lưu VT, TCKT.



**Cao Hữu Hiếu**